

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HCPT

Ngày 19/6/2017

V/v yêu cầu tuyên bố hành vi
hành chính trái pháp luật và
huỷ quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Thế Vinh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Ngọc Anh- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 5 và ngày 19 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 02/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc: Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật và huỷ quyết định hành chính. Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/ 2016/ HC- ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐ-PT ngày 07/4/2017, quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2016/QĐ-PT ngày 24/4/2016 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 04/2017/QĐPT-HC ngày 16/5/2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1943.

HKTT: đường N, phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh Đ là:**
Ông Trần Công T - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Do bà Phùng Thị Thu H - Chủ tịch UBND phường TNH là đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng (có mặt).

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện* là ông Vũ Quang H-Chức vụ: Công chức địa chính, xây dựng phường TNH (có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947

- Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1973

HKTT: đường N, phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Hồng H là ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1943 (có mặt).

HKTT: đường N, phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hành chính sơ thẩm số: 01/ 2016/ HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2016, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Thanh Đ trình bày: Năm 1985 vợ chồng ông là cán bộ nhà nước, chưa có nhà ở, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình ông đã làm đơn xin Hợp tác xã Nông nghiệp ĐT, phường NQ xác nhận cho sử dụng diện tích đất 58,44m² nay là thửa đất 197, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ thửa đất là đường N, phường TNH, thành phố B. Nguồn gốc đất này là đất thung vũng bỏ hoang thuộc đất của Hợp tác xã Nông nghiệp ĐT, sau đó gia đình ông được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường NQ đồng ý cho xây nhà trên đất, năm 2007 ông có làm đơn và kèm theo tài liệu là đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đề ngày 03/11/2007 có xác nhận của UBND phường NQ gửi UBND phường TNH xin xác nhận để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được giải quyết. Đến năm 2012 ông tiếp tục làm đơn gửi UBND phường TNH để xác nhận cho gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường TNH có Công văn số 135/UBND, ngày 17/10/2012 xác định toàn bộ diện tích đất trên của gia đình ông Đ nằm trong vị trí quy hoạch mở rộng đường giao thông theo Quyết định số 123/QĐ-XĐĐT ngày 5/10/2004 của sở xây dựng Bắc Giang, nên không xác nhận vào hồ sơ cấp giấy cho gia đình ông, sau đó ông đã nhiều lần khiếu nại lên UBND thành phố B và được hướng dẫn viết tờ khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2015 ông tiếp tục làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 03/8/2015 UBND phường TNH xác nhận vào đơn xin cấp

giấy chứng nhận cho gia đình ông với nội dung: Diện tích đất trên của hộ ông Đ tự ý xây dựng nhà tạm lấn chiếm đất của Công ty vật tư văn hóa (cũ) tại thửa số 8, tờ bản đồ số 15 đo đạc năm 1997, diện tích hiện trạng sử dụng là 58,44m². Tại bản đồ đo năm 2009, diện tích 58,44m² hộ ông Đ sử dụng có 53,28m² nằm trong thửa số 197 tờ bản đồ số 6 và 5,16m² và diện tích đất này nằm trong quy hoạch mở rộng đường giao thông Nguyễn Khắc Nhu. Không đồng ý với việc xác nhận đó, ngày 08/8/2015 ông khiếu nại việc xác nhận trên của phường TNH. Đến ngày 12/9/2015 ông nhận được văn bản trả lời số 96/UBND-ĐCXĐ ngày 07/9/2015 của UBND phường với nội dung vẫn giữ nguyên việc xác nhận của UBND phường TNH trong văn bản xác nhận ngày 03/8/2015, không đồng ý với văn bản trả lời số 96, ngày 18/9/2015 ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại đối với văn bản số 96. Ngày 26/02/2016 ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH với kết quả giữ nguyên các văn bản ngày 03/8/2015 và văn bản trả lời số 96/UBND-ĐCXĐ ngày 07/9/2015.

Nay ông không đồng ý với việc xác nhận của UBND phường TNH đã xác nhận tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 03/8/2015 của gia đình ông. Không đồng ý với văn bản trả lời số 96 ngày 07/9/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH. Vì diện tích đất hộ gia đình ông sử dụng ổn định và hợp pháp từ năm 1985 đến nay, không lấn chiếm diện tích đất của ai, gia đình ông chưa có quyết định thu hồi của cơ quan hành nước có thẩm quyền và không vi phạm quy hoạch. Do vậy ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết để hủy toàn bộ 3 văn bản của UBND phường TNH là:

- Nội dung xác nhận ngày 03/8/2015 về nguồn gốc đất của gia đình ông Đ do đại diện UBND phường TNH xác nhận tại các mục ở phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Công văn số 96/UBND-ĐCXĐ ngày 07/9/2015 của UBND phường TNH, thành phố B.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH.

Lý do đề nghị hủy là việc xác nhận và kết luận của các văn bản, quyết định trên sai sự thật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, để gia đình ông sớm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên, ngoài ra ông không khởi kiện vấn đề gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, phía người bị kiện là UBND phường TNH và Chủ tịch UBND phường TNH, thành phố B - Do bà Phùng Thị Thu H - Chủ tịch

UBND phường TNH là đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng trong vụ án thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ và tại phiên toà vẫn giữ quan điểm trình bày như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy văn bản xác nhận của UBND phường TNH đã xác nhận tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 03/8/2015 đối với hộ ông Đ, Văn bản trả lời số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH. Lý do không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Đ không phải là đối tượng được Hợp tác xã Nông nghiệp ĐT, phường NQ cấp, giao đất, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, diện tích đất hộ ông Đ sử dụng nằm trong tổng diện tích đất 1451,5m², thuộc thửa số 08, bản đồ địa chính số 15 do Công ty vật tư văn hoá quản lý. Hiện tại hộ ông Đ không có các giấy tờ quy định tại điều 100 luật đất đai và các văn bản pháp luật khác. Hộ gia đình ông Đ không phải là người sử dụng đất ổn định liên tục từ năm 1985 đến nay và hộ ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ổn định để chứng minh thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định tại Điều 100 luật đất đai 2014 và Điều 18 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ.

Về quy hoạch và thực hiện quản lý theo quy hoạch thì diện tích đất hộ ông Đ đang sử dụng nằm trong khu vực đất giao thông theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 18/11/1996 của UBND tỉnh Hà Bắc (có xác nhận quy hoạch của phòng Quản lý đô thị thành phố B) và là đất trong chỉ giới Nhà nước đã thu hồi tại Quyết định số 1696 ngày 22/10/2004 của UBND tỉnh Bắc Giang, lý do khi thi hành quyết định thu hồi đất không thông báo cho ông Đ là vì hộ ông Đ không có tên sử dụng đất, đất hộ ông Đ đang sử dụng nằm trong tổng diện tích đất 1451,5m², thuộc thửa số 08, bản đồ địa chính số 15 đo đạc năm 1997, do Công ty vật tư văn hoá quản lý nên Nhà nước đã tiến hành thu hồi toàn bộ diện tích đất này đối với chủ thể là Công ty vật tư văn hoá và hiện diện tích đất của hộ ông Đ nằm trong chỉ giới hành lang an toàn của đường sắt được quy định tại Điều 35 Luật đường sắt.

Từ những lý do trên khẳng định việc UBND phường TNH, thành phố B đã xác nhận tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận QSDĐ... ngày 03/8/2015 đối với hộ ông Đ là đúng thẩm quyền, phù hợp với thực tế và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Đ. Việc ông Đ khiếu nại nên UBND phường và Chủ tịch UBND phường TNH đã được ban hành Văn bản trả lời số 96/UBND-

ĐCXD ngày 07/9/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH là đúng với quy định của pháp luật.

Vậy UBND và Chủ tịch UBND phường TNH giữ nguyên Văn bản xác nhận của UBND phường TNH đã xác nhận tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 03/8/2015 đối với hộ ông Đ, Văn bản trả lời số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Hồng H tại bản tự khai ngày 8/7/2016 đều trình bày trình bày: Hoàn toàn đồng ý và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ là chỉ đề nghị Toà án tuyên hủy văn bản xác nhận của UBND phường TNH đã xác nhận tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 03/8/2015 đối với hộ ông Đ, Văn bản trả lời số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH, ngoài ra không khởi kiện vấn đề gì khác, bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Hồng H đã ủy quyền toàn bộ cho ông Đ tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Trần Công T - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và trình bày bổ xung diện tích đất tại thửa số 197, tờ bản đồ số 06, đường N, phường TNH, thành phố B hộ ông Đ đang quản lý, sử dụng không được Nhà nước giao nhưng đất này là đất thừng vũng, hoang hoá không canh tác được và hộ ông Đ sử dụng đất này ổn định từ năm 1985 có sự đồng ý của Hợp tác xã Nông Nghiệp ĐT và UBND phường NQ. Trong quá trình sử dụng đất hộ ông Đ đã san lấp và xây nhà ở cho đến nay, hộ ông Đ chưa bao giờ từ bỏ quyền tài sản đối với căn nhà trên đất. Trong quá trình sử dụng đất thì ông Đ đã thực hiện đầy đủ về nghĩa vụ thuế sử dụng đất đối với Nhà nước, do đó UBND phường cho rằng diện này nằm trong diện tích đất của Công ty Vật tư văn hoá quản lý và hộ ông Đ chưa có tên trên sổ địa chính là không cơ sở, điều này không phải do lỗi của hộ ông Đ mà là do lỗi của cơ quan nhà nước về quản lý đất đai. Việc UBND phường TNH cho rằng đất hộ ông Đ nằm trong quy hoạch đường N theo các quyết định của cơ quan nhà nước là không còn hiệu lực, không có cơ sở,

Quyết định 1696/QĐ-CT ngày 22/10/2004 thu hồi đất của Công ty vật tư văn hóa giao cho UBND thị xã B không có nội dung chi phối hộ ông Đ sử dụng đất.

Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử hủy nội dung xác nhận trong Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 03/8/2015; Công văn số 96 ngày 07/9/2015 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 của UBND phường TNH.

Hộ ông Nguyễn Thanh Đ có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Yêu cầu UBND phường TNH, thành phố B xem xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Đ tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 06, địa chỉ đường N, phường TNH, thành phố B, để hộ gia đình ông sớm cải tạo chỗ ở, ổn định cuộc sống.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/ 2016/ HC- ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3; Điều 30; Điều 31; Điều 191; Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính. Điều 95; Điều 100; Điều 101; Điều 144; Điều 166; Điều 170; Điều 204 Luật đất đai 2013. Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Toà án.

- Điều 18; khoản 5 Điều 19; Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 22; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật đất đai năm 2013. Điều 35 Luật đường sắt. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ về việc yêu cầu hủy:

- Nội dung xác nhận ngày 03/8/2015 UBND phường TNH xác nhận tại các mục ở phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Trần Thanh Đ.

- Văn bản số 96/UBND-ĐCXĐ ngày 07/9/2015 của UBND phường TNH, thành phố B.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

-Ngày 10/01/2017 ông Nguyễn Thanh Đ nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nội dung kháng cáo: Không đồng ý bản án của Tòa án nhân dân thành phố B, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Các đương sự trình bày:

- Ông Nguyễn Thanh Đ trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy toàn bộ 3 văn bản của UBND phường TNH là:

- Nội dung xác nhận ngày 03/8/2015 về nguồn gốc đất của gia đình ông Đ do đại diện UBND phường TNH xác nhận tại các mục ở phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Công văn số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 của UBND phường TNH, thành phố B;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH;

- Công nhận diện tích đất ông đang sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Yêu cầu UBND phường TNH xác nhận vào hồ sơ của ông đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ kháng cáo là: Diện tích đất 58,44 m² gia đình ông đã sử dụng từ năm 1985, nguồn gốc là do Hợp tác xã Nông nghiệp ĐT, phường NQ giao. Gia đình ông sử dụng liên tục, ổn định từ trước cho đến nay, không có tranh chấp gì, hiện tại gia đình đã xây dựng nhà cấp 4 trên đất. Tại công văn số 135/UBND ngày 17/0/2012 của UBND phường TNH đã xác nhận cho ông có nội dung đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy diện tích đất gia đình ông đang quản lý đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Gia đình ông Nguyễn Thanh Đ sử dụng đất ổn định từ năm 1985 cho đến nay,

không có tranh chấp nên đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công văn số 135/UBND ngày 17/10/2012 của UBND phường TNH đã xác nhận: Diện tích đất gia đình ông Đ sử dụng trước đây là thung vũng bỏ hoang do Hợp tác xã Nông nghiệp ĐT giao cho gia đình ông Đ từ năm 1985, gia đình ông Đ đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Nên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày ngày 15/6/2017 trả lời Tòa án là không đúng vì không khách quan nên không công nhận chứng cứ này. Đề nghị Tòa án triệu tập Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đến phiên tòa.

* Chủ tịch và UBND phường TNH trình bày: Chủ tịch và Ủy ban giữ nguyên quan điểm tại công văn số 45/UBND-ĐCXD ngày 28/6/2016 đã gửi Tòa án. Diện tích đất gia đình ông Đ sử dụng có nguồn gốc là đất UBND giao cho Công ty Vật tư văn hóa sử dụng, gia đình ông Đ đã tự ý ra sử dụng, Hợp tác xã nông nghiệp ĐT không giao đất cho gia đình ông Đ. Ông Đ không sử dụng liên tục đất, theo các tài liệu do Công an phường cung cấp có thời gian ông Đ ra Hà Nội ở, diện tích đất hiện nay không phải qui hoạch đất ở mà là đất phi nông nghiệp khác, do đó hộ ông Đ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND phường TNH không phải là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Đ là không có cơ sở.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Diện tích đất hộ ông Đ sử dụng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định tại Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Một phần tờ bản đồ ông Đ xuất trình không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không phù với qui hoạch đất tại tổ 9 phường TNH, do đó không có giá trị pháp lý.

Văn bản số 135/UBND ngày 17/10/2012 của UBND phường TNH chỉ là văn bản hành chính, trả lời đơn của ông Đ, không xác định nội dung ông Đ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tờ bản đồ tổ 9-tờ số 6 (355414-3-(4) phường TNH qui hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền nhà nước phê duyệt ngày 25/12/2009 có giá trị pháp lý, thể hiện thửa đất ông Đ đang sử dụng là đất phi nông nghiệp khác. Do đó hộ ông Nguyễn Thanh Đ không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án bác kháng cáo của ông Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính tại phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa xét thấy án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện vụ án và xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 141 của Luật tố tụng hành chính, xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ về án phí. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Đ về việc đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ông Nguyễn Thanh Đ là người cao tuổi, có công với nước. Do đó miễn toàn bộ án phí cho ông Đ theo hướng dẫn tại của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Đ là người khởi kiện là phù hợp với qui định tại Điều 204 và Điều 206 của Luật tố tụng hành chính nên chấp nhận để xem xét.

Nguyễn Thanh Đ kháng cáo đề nghị Tòa án: Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy toàn bộ 3 văn bản của UBND phường TNH là:

- Nội dung xác nhận ngày 03/8/2015 về nguồn gốc đất của gia đình ông Đ do đại diện UBND phường TNH xác nhận tại các mục ở phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Công văn số 96/UBND-ĐCXĐ ngày 07/9/2015 của UBND phường TNH, thành phố B;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch UBND phường TNH;

- Công nhận diện tích đất ông đang sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Yêu cầu UBND phường TNH xác nhận vào hồ sơ của ông đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thể hiện:

[2]. Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của hành vi xác nhận của UBND phường TNH tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 03/8/2015 đối với hộ ông Nguyễn Thanh Đ thì thấy: Ngày 14/4/2015 ông Nguyễn Thanh Đ có nộp đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 58,44m² tại thửa đất 197, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ thửa đất là đường N, phường TNH, thành phố B. Ngoài đơn đăng ký thì ông Đ không nộp theo bất kỳ tài liệu chứng cứ gì chứng minh có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất, do đó thuộc trường hợp không có giấy tờ theo quy định tại điều 100 luật đất đai và điều 18 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật đất đai năm 2013. UBND phường TNH đã căn cứ khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để tiến hành xác minh nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất của hộ ông Đ. Trên cơ sở kết quả xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất của UBND phường TNH cho thấy: Diện tích đất hộ ông Đ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được cơ quan có thẩm quyền giao đất hay cho hộ ông Đ sử dụng, diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất 1.451,5m² của Công ty Vật tư văn hoá và đã được UBND tỉnh thu hồi theo quyết định 1696/QĐ-CT ngày 22/10/2004. Căn cứ vào quy hoạch chi tiết thi hành diện tích đất ông Đ đang quản lý nằm trong quy hoạch mở rộng đường N và nằm trong hành lang của đường sắt. UBND phường cũng xác minh về quá trình sử dụng đất cho thấy hộ ông Đ không ở ổn định trên diện tích đất này. Do vậy, có căn cứ UBND phường TNH đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật trước khi xác nhận đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Đ, trên cơ sở đó UBND phường đã xác nhận các nội dung tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận QSDĐ... ngày 03/8/2015 đối với hộ ông Nguyễn Thanh Đ là hoàn toàn đúng về thẩm quyền cũng như về nguồn gốc, thời điểm sử dụng, tình trạng tranh chấp và sự phù hợp với quy hoạch đối với diện tích đất hộ ông Đ đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật đất đai năm 2013 để tiến hành xác minh nguồn gốc. Do vậy yêu cầu của ông Đ đề nghị Huỷ nội dung xác nhận của UBND phường TNH tại phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 03/8/2015 là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về tính hợp pháp và tính có căn cứ của văn bản số 96/UBND-ĐCXD và Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Đ của Chủ tịch UBND phường TNH thì thấy: Do ông Đ không đồng ý với nội dung xác nhận của UBND phường TNH nên có đơn khiếu nại nên Chủ tịch UBND phường TNH có văn bản trả lời số 96 và Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đơn ông Đ là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại và pháp luật đất đai.

Về nội dung của văn bản số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 và Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Đ của Chủ tịch UBND phường TNH thì thấy: Ông Nguyễn Thanh Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ về nguồn gốc diện tích đất ở, theo ông Đ trình bày thì nguồn gốc đất này gia đình ông được Hợp tác xã nông nghiệp ĐT và UBND phường NQ đồng ý bằng văn bản cho gia đình ông được quản lý, sử dụng làm nhà ở từ năm 1985, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Nguyễn Việt T, nguyên là chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp ĐT từ năm 1985 đến năm 1992 cho thấy ông Nguyễn Việt T chưa bao giờ đồng ý cho gia đình ông Nguyễn Thanh Đ được sử dụng diện tích đất này, bản thân ông T cũng thừa nhận diện tích đất hộ ông Đ đang xin cấp giấy chứng nhận không thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã Nông Nghiệp ĐT trước đây. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy diện tích đất ông Đ xin cấp giấy chứng nhận thuộc đất là của công ty vật tư Văn hoá có diện tích 1.451,5m² và đã được UBND tỉnh Bắc Giang thu hồi theo quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 22/10/1994.

Về việc sử dụng đất ổn định: Căn cứ tài liệu do công an phường TNH cung cấp cho thấy: Trước tháng 5 năm 2008 hộ gia đình ông Đ có hộ khẩu tại tổ 1B, phường TNH, từ ngày 30/5/2008 vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị H chuyển khẩu đến phường CD, quận HK, Hà Nội; đến ngày 07/10/2011 vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị H mới chuyển khẩu về tổ dân phố số 4A, phường TNH, thành phố B. Do vậy, UBND phường TNH căn cứ Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật đất đai năm 2013 để xác định hộ ông Đ sử dụng diện tích đất này không ổn định, liên tục vào mục đích đất ở là có căn cứ.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thì toàn bộ diện tích đất ông Đ đang sử dụng và kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm hoàn toàn trong thửa đất số 08 tờ bản đồ số 15 do Công ty Vật tư Văn hoá đứng tên chủ sử dụng, đến năm 2009 thì diện tích đất ông Đ đang quản lý mới thể hiện

tên chủ sử dụng là hộ ông Đ tại thửa số 197, tờ bản đồ số 6, trong khi đó diện tích đất này vào năm 1994 UBND tỉnh Bắc Giang thu hồi theo quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 22/10/2004 và giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy định, từ năm 1994 đến nay hộ ông Đ không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cấp đất cho ông đối với diện tích đất này. Do vậy việc UBND phường TNH xác nhận hộ gia đình ông Đ sử dụng diện tích đất này sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014 là có căn cứ.

Đối với nội dung thể hiện tình trạng đất hộ ông Đ đang sử dụng hiện tại không có tranh chấp là đúng với thực tế, bởi UBND phường đã làm thủ tục niêm yết công khai và không có cơ quan, tổ chức hay cá nhân đứng ra tranh chấp đối với diện tích đất này.

Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng thì thấy: Căn cứ vào vị trí thửa đất hộ ông Đ đang kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy, toàn bộ diện tích đất này nằm trong quy hoạch chi tiết đường N đã được phê duyệt tại quyết định số 1433 ngày 18/11/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) và quyết định số 123/QĐ-XDDT ngày 05/10/2004 của Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra toàn bộ diện tích đất này nằm trong chỉ giới hành lang đường sắt được quy định tại Điều 35 Luật đường sắt. Do vậy nội dung xác nhận của UBND phường, cũng như nội dung Văn bản số 96 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07 của Chủ tịch UBND phường TNH đều xác định diện tích đất ông Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong quy hoạch mở rộng đường N là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[4]. Đối với tài liệu ông Đ xuất trình, ông Đ cho rằng đây là “tờ bản đồ” qui hoạch đất năm 2009 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp thể hiện diện tích đất ông Đ đang sử dụng được qui hoạch là đất ở. Xét thấy: Tài liệu ông Đ cung cấp được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cho biết, đây chỉ là một phần mảnh bản đồ, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chỉ để phục vụ cho việc kiểm tra và đối soát, không có giá trị pháp lý, nên không chấp nhận ý kiến của ông Đ.

[5]. Đối với việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đến phiên tòa. Xét thấy: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã có ý kiến trả lời Tòa án, do đó không cần thiết phải tham gia phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Đ là có căn cứ.

Từ những nhận phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới khác theo qui định của pháp luật để chấp nhận kháng cáo của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần bác kháng cáo của ông Đòi khởi kiện ông Nguyễn Thanh Đ đối với việc đề nghị hủy: Nội dung xác nhận ngày 03/8/2015 Ủy ban nhân dân phường TNH xác nhận tại các mục ở phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Nguyễn Thanh Đ; hủy văn bản số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân phường TNH, thành phố B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TNH.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Đ là người cao tuổi và có công với cách mạng, nên được miễn tiền án phí (việc sửa án phí là do có sự thay đổi về pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi). Do đó trả lại toàn bộ tiền án phí cho ông Đ.

Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí đối với ông Đ. Các phần quyết định khác cần giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

* Chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Đ, sửa bản án sơ thẩm.

* Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3; Điều 30; Điều 31; Điều 191; Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính.

- Các Điều: 95, 100, 101, 144, 166, 170 và Điều 204 của Luật đất đai.

- Điều 18, khoản 5 Điều 19, Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 22, Điều 70 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật đất đai năm 2013.

- Điều 35 của Luật đường sắt.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và áp dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ về việc yêu cầu hủy:

- Nội dung xác nhận ngày 03/8/2015 Ủy ban nhân dân phường TNH xác nhận tại các mục ở phần II của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông Nguyễn Thanh Đ.

- Văn bản số 96/UBND-ĐCXD ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân phường TNH, thành phố B.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 07/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TNH.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Thanh Đ. Trả lại ông Đ 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2010/003301 ngày 15/6/2016 và số AA/2012/05912 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS cấp sơ thẩm;
- Đường sự; Luật sư;
- Chi cục T.H.A dân sự TP Bắc Giang;
- Lưu HS, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Dương Thế Vinh

